

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 26/3/2021.

Về việc: “*Tranh chấp về Hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc;

2. Ông Trương Thành C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh; Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 172/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020; Về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng mua bán - Vật tư nông nghiệp*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-DS ngày 04/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C;

Địa chỉ: khóm A, phường B, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020):

1. Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1997; (có mặt)

Nơi cư trú: số 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Hồ Chí Minh

2. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1988; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Châu Thành, An Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh C, sinh năm 1973; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty C (do anh Nguyễn Thanh B, Nguyễn Minh A đại diện) và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Vào năm 2014, để thực hiện dự án “Cánh đồng mơ ước” mục đích là đầu tư vật tư nông

ng nghiệp cho nông dân sản xuất. Công ty C có ký kết hợp đồng hợp tác với ông Ngô Thanh C nhằm mua bán vật tư nông nghiệp về đầu tư lại cho nông dân địa bàn xã Vĩnh C (huyện Châu Thành, An Giang). Nội dung thỏa thuận là Công ty cung cấp vật tư toàn bộ cho ông Ngô Thanh C để cung cấp lại cho nông dân, ngược lại ông Ngô Thanh C có trách nhiệm thu tiền của nông dân nộp lại cho Công ty sau cuối vụ, quyền lợi sẽ được trích hoa hồng cho việc quản lý, nếu chậm thanh toán thì phải chịu nộp phạt. Từ khi thực hiện hợp đồng đến khi chấm dứt năm 2018 thì phía ông Ngô Thanh C nợ lại Công ty A tổng cộng tiền vốn, tiền phạt và tiền lãi là 57.612.080đ.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Thanh C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C toàn bộ số nợ theo bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 với số tiền là 57.612.080đ cùng với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/4/2018 cho đến khi thanh toán xong. Tại phiên tòa, đại diện Công ty A thay đổi một phần yêu cầu là sẽ đồng ý khấu trừ lại số tiền hoa hồng mà ông Ngô Thanh C được hưởng là 16.100.000đ, còn lại 41.512.080đ sẽ tính lãi đến nay là 35,5 tháng.

** Theo bản khai của bị đơn ông Ngô Thanh C ngày 05/01/2021 có nội dung như sau:* Ông Ngô Thanh C thừa nhận vào năm 2014 có thỏa thuận ký hợp đồng với Công ty C mua vật tư nông nghiệp về cung cấp cho nông dân để thực hiện cánh đồng mơ ước với nội dung và hình thức như phía đại diện Công ty A trình bày. Thời gian đầu hai bên thực hiện rất thuận lợi và đúng theo cam kết, tuy nhiên do thời gian sau giá lúa không ổn định nên nông dân không thanh toán đúng hạn và rất nhiều trường hợp không trả tiền vật tư nên có nợ lại công ty A số tiền 57.612.080đ theo bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, theo tính toán lại thì số nợ mà Công ty đưa ra là chưa chính xác, do chưa khấu trừ tiền hoa hồng 16.100.000đ, đồng thời lại tính luôn cả tiền phạt, tiền lãi đối với số tiền nợ từ những năm trước đến ngày 31/3/2018.

Nay Công ty C yêu cầu trả số nợ vốn, lãi 57.612.080đ và lãi suất phát sinh thì ông Ngô Thanh C không đồng ý. Yêu cầu Công ty A xem xét khấu trừ khoản tiền hoa hồng 16.100.000đ, bỏ khoản tiền phạt và tiền lãi đối với khoản nợ mấy năm trước đây theo tính toán là 26.737.772đ, tổng cộng là 42.837.772.000đ, sau khi khấu trừ còn lại số tiền 14.774.308đ và đồng ý trả cho Công ty A số tiền này không tính lãi. Tại phiên tòa, ông Ngô Thanh C thay đổi yêu cầu là chấp nhận trả cho Công ty A vốn, lãi tổng cộng là 28.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty A thay đổi yêu cầu một phần yêu cầu, chấp nhận khấu trừ 16.100.000đ cho bị đơn và buộc tính lãi 10%/năm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời buộc bị đơn phải chịu nghĩa vụ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán, mặc dù các bên đều có mục đích lợi nhuận nhưng có một bên không có đăng ký kinh doanh nên tranh chấp thuộc khoản 3 Điều 26, căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[2] Theo tờ Sổ chi tiết đơn vị mua ghi từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 có nội dung: “Ông Ngô Thanh C địa chỉ Tổ A, ấp B, xã C, huyện Châu Thành, An Giang, đầu kỳ là 55.734.917 và phát sinh 1.877.163 và nợ cuối kỳ tổng cộng là 57.612.080”; Theo đại diện nguyên đơn Công ty A thì đây là bản chi tiết nợ từ khi ký hợp đồng hợp tác từ năm 2014 tính đến ngày 31/3/2018 thì ông Ngô Thanh C còn nợ số tiền vốn, lãi và phạt tổng cộng 57.612.080đ, mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ngô Thanh C không thanh toán nên Công ty A đã gửi biên bản này để ký xác nhận công nợ.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp và hòa giải thì bị đơn ông Ngô Thanh C thừa nhận chữ ký, chữ viết trong bản chi tiết đơn vị mua tại phần xác nhận của Đại Lý là của mình, đồng thời xác nhận đây là bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/3/2018. Tuy nhiên, khi ký bản đối chiếu công nợ thì ông Ngô Thanh C chưa xem lại chứng từ, trong khi Công ty A chưa khấu trừ số tiền hoa hồng lẽ ra được hưởng là 16.100.000đ, đồng thời sẽ chịu $\frac{1}{2}$ số tiền lãi trong số 26.737.772đ, tổng cộng đồng ý trả số nợ vốn, lãi là 28.500.000đ. Xét thấy, các bên đã thống nhất đến ngày 31/3/2018 số nợ tổng cộng là 57.612.080đ, đồng thời đại diện Công ty A thống nhất số tiền hoa hồng chưa khấu trừ là 16.100.000đ nên cần xem xét chấp nhận theo yêu cầu của ông Ngô Thanh C; Bên cạnh đó, theo nội dung hợp đồng hợp tác thì các bên đều thống nhất sẽ chịu phạt, chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán và đồng thời ông Ngô Thanh C đã thống nhất ký bản đối chiếu công nợ, trong khi đó ông không chứng minh được việc ký nhận nợ bị uy hiếp hay đe dọa nên không thể xem xét yêu cầu bỏ phần lãi, tiền phạt theo các bên đã thỏa thuận với số tiền 26.737.772đ. Như vậy, theo yêu cầu của Công ty A buộc ông Ngô Thanh C trả số nợ còn lại 41.512.080đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Ngoài ra, đại diện Công ty A yêu cầu bị đơn là ông Ngô Thanh C do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) đối với số tiền chậm trả như đã thỏa thuận trong hợp đồng đã được hai bên ký kết kể từ ngày ông Ngô Thanh C ký bản đối chiếu công nợ là ngày 01/4/2018 cho đến nay.

Theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định trách nhiệm chậm trả nợ như sau: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Ngoài ra, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Như vậy, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn gốc tổng cộng là 41.512.080đ tính từ ngày 01/4/2018 đến ngày 26/3/2021 làm tròn là 35.5 tháng, lãi suất 0,83%/tháng:

$$41.512.080đ \times 0,83\% \times 35.5 \text{ tháng} = 12.231.525đ;$$

$$\text{Tổng cộng, vốn lãi: } 41.512.080đ + 12.231.525đ = 53.743.605đ.$$

[5] Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì Tòa án đã xác định yêu cầu của bị đơn ông Ngô Thanh C về việc khấu trừ tiền hoa hồng, không chấp nhận khoản tiền phạt và tiền lãi chậm trả là yêu cầu phản tố nên đã buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí về yêu cầu phản tố, tuy nhiên qua đánh giá chứng cứ và xem xét nội dung vụ án thì đây là ý kiến phản bác của bị đơn mà không phải là yêu cầu phản tố. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bị đơn ông Ngô Thanh C bị buộc trả nợ cho Công ty C nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Công ty C (do anh Nguyễn Thanh B, Nguyễn Minh A đại diện). Buộc ông Ngô Thanh C có trách nhiệm trả cho Công ty C số tiền nợ vật tư nông nghiệp vốn, lãi tổng cộng là 53.743.605đ (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm lẻ năm đồng).

* Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Ngô Thanh C phải chịu 2.867.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp tạm ứng án phí phản tố 1.050.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007490 ngày 25/01/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên ông Ngô Thanh C phải nộp thêm số tiền là 1.817.000đ.

+ Công ty C không phải chịu án phí nên được hoàn lại 1.440.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007258 ngày 15/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

